

Bản án số: 662/2025/DS-PT

Ngày 16-6-2025

V/v “Đòi quyền sử dụng đất và hủy
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tô Ngọc

Các Thẩm phán:

Ông Phan Văn Yên

Ông Hoàng Thanh Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Huệ, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 954/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2024/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 263/2025/QĐPT-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hồng D, sinh năm 1951. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D: Bà Trần Kim T – Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 02 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Tiến G, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B. Trụ sở: Số G, Đường L, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bình T1. Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ, chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (vắng mặt).

2. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T2, chức vụ: Chủ tịch, (có đơn đề nghị vắng mặt)

3. Bà Khưu Ngọc T3, sinh năm 1963

4. Chị Nguyễn Thị Phương T4, sinh năm 1998

5. Anh Nguyễn Phát Đ1, sinh năm 1988

6. Chị Cù Thị Tím E, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hồng D trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông tên Nguyễn Văn C (chết năm 1995) và mẹ tên Lê Thị B (chết năm 2003). Cha mẹ ông cho phần đất tranh chấp vào năm 1975, khi cho chỉ nói bằng lời nói, không có giấy tờ, nhưng anh em trong gia đình đều biết. Khi cho không nói diện tích bao nhiêu, cho đất ruộng và đất vườn, việc cho có chỉ ranh, không đo đạc thực tế. Đối với đất ruộng thì ông được cho 7 đến 8 công (công tầm cây), đất vườn (chính là diện tích đất đang tranh chấp). Từ khi được cha mẹ tặng cho đất ông chưa kê khai cũng như làm thủ tục được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Phần đất tranh chấp ông đã sử dụng từ khi cho đến khoảng năm 1987, 1988 thì vợ chồng ông đi Cà Mau sinh sống, để đất và cây trồng như tre, trúc... lại cho con cháu, anh em ai muốn sử dụng thì sử dụng. Khi được cha mẹ cho đất ông có cất 02 căn nhà bằng cây lá địa phương, 01 căn để ở (diện tích ngang khoảng 5m, dài khoảng mười mấy mét) và 01 căn làm bếp nấu ăn (ngang khoảng 5 m, dài khoảng mười mấy mét). Đến năm 1990, ông về Bạc Liêu dỡ bỏ hai căn nhà để lại đất trống nhưng không giao ai quản lý, sử dụng và tiếp tục đi Cà Mau sinh sống cho đến năm 2021, ông về Bạc Liêu mới phát hiện ông G lấy đất ông chuyển nhượng cho người khác nên phát sinh tranh chấp.

Theo Đơn khởi kiện ông yêu cầu ông Nguyễn Tiến G giao trả cho ông phần đất có diện tích chiều ngang 35m, dài 65m (2.275m²) thuộc thửa số 62, tờ bản đồ 37, đất tại ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Tuy nhiên, theo đo đạc thực tế diện tích đất tranh chấp là 2.189,9m², nên ông D rút lại phần diện tích đất chênh lệch so với đơn khởi kiện là 85,1m². Đồng thời, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho hộ ông Nguyễn

Tiến G và bà Khuru Ngọc T3 ngày 21/6/2021 đối với diện tích theo đo đạc thực tế là 2.189,9m², thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 37.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Tiến G trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông, cha tên Nguyễn Văn C (chết năm 1995) và mẹ tên Lê Thị B (chết năm 2003). Cha mẹ ông có 06 người con. Gồm: Nguyễn Văn T5 (chết năm 2023) có vợ con nhưng không nhớ tên, Nguyễn Hồng D, Nguyễn Thị D1 (Địa chỉ: P, Cần Thơ, không rõ địa chỉ cụ thể); Nguyễn Văn T6 (P, thị trấn P, huyện P); Nguyễn Tiến G và Nguyễn Thị B1 (chết) có chồng con nhưng không nhớ tên. Ông D cho rằng được cha mẹ cho đất vườn là không đúng, thực tế cha mẹ chỉ cho ông D đất ruộng chứ không có cho đất vườn. Năm 1976, ông D có gia đình ra ở riêng, không có đất cất nhà nên cha mẹ kêu ông D cho cất nhà ở trên phần đất vườn, nếu ở thì được hưởng luôn, còn nếu đi không ở thì trả đất lại. Ông D ở được 03 năm đến năm 1979 ông D đi Cà Mau sinh sống cho đến nay. Do đó, cha mẹ ông có cho ông Nguyễn Hồng D phần đất ruộng 07 đến 08 công (tầm cây), không có cho đất vườn mà cha mẹ ông cho ông phần đất vườn (hiện đang tranh chấp). Phần đất tranh chấp ông đã quản lý, sử dụng từ năm 1979 (Lúc ông D về Cà Mau sinh sống) cho đến nay. Ngày 02/01/1996 U cấp Giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Văn C tổng diện tích đất 28,900m². Sau đó ông C tặng cho toàn bộ cho ông G và ông G được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001, cấp đổi lần đầu năm 2008, cấp đổi lần hai năm 2009, cấp đổi lần ba năm 2021.

Hiện trạng trên đất tranh chấp không thay đổi theo biên bản thẩm định ngày 13/06/2023; Trên phần đất có 06 ngôi mộ gồm: ông ngoại, bà ngoại, cha mẹ ruột, anh ruột Nguyễn Văn T5, chị dâu Mai Thị M (vợ ông T5), những ngôi mộ này do ông G chăm sóc, quản lý đến nay. Cây trồng: 18 cây bông trăm, 05 bụi lục bình, 01 cây bạch đàn do ông G trồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Khuru Ngọc T3 (là vợ ông G): Thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Tiến G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phát Đ1, chị Nguyễn Thị Phương T4, chị Cù Thị Tím E: Không cung cấp lời khai cho Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu, ông Lê Văn T2 là người đại diện theo pháp luật trình bày ý kiến: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B, ông Nguyễn Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền: Không trình bày ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DSST ngày 14-6-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, Điều 101, Điều 104, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 269, Điều

273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 34 Luật Tố tụng hành chính; Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; Điều 100, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng D yêu cầu ông Nguyễn Tiến G trả lại diện tích đất 85,1m² và phần đất nhà mồ diện tích 84m² thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 37 (do ông D rút yêu cầu)

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng D yêu cầu ông Nguyễn Tiến G và bà Khưu Ngọc T3 giao trả cho ông Nguyễn Hồng D phần đất vườn diện tích 2.105,9m² thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 37, đất tại ấp Phước Hòa Tiền, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu

3. Buộc ông Nguyễn Tiến G, bà Khưu Ngọc T3, anh Nguyễn Phát Đ1, chị Cù Thị Tím E và chị Nguyễn Thị Phương T4 giao trả cho ông Nguyễn Hồng D phần đất vườn diện tích 2.105,9m² thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 37, đất tại ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí, số đo như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Tiến Giàu C1 số đo 17,74m + 7,07m;
- Hướng Tây giáp đường đất có số đo 6,98m + 24,82m;
- Hướng Nam giáp đường đất có số đo 23,3m + 44,9m;
- Hướng Bắc giáp đất ông Đoàn Văn L có số đo 45,9m + 8,4m + 3,1m + 8,3m + 3,9m + 4,9m.

(Đính kèm bản án là Bản vẽ mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P lập ngày 13/6/2023)

4. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hồng D về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 872010 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 21/6/2021 cho hộ ông Nguyễn Tiến G.

4.1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 872010 do Sở T cấp ngày 21/6/2021 cho hộ ông Nguyễn Tiến G đối với diện tích 2.105,9m² (phần đất vườn) thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 37, đất tại ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

4.2. Ông Nguyễn Hồng D được quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng diện tích đất nêu trên theo quy định pháp luật.

5. Các cây trồng trên phần đất tranh chấp ông D, ông G không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

6. Không đặt ra xem xét yêu cầu của bà Khưu Ngọc T3 yêu cầu bồi thường giá trị đất tranh chấp và giá trị cây trồng trên đất tranh chấp.

Ngoài ra, tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27-6-2024, bị đơn ông Nguyễn Tiến Giàu C1 đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Tiến G vẫn giữ nguyên lời trình bày tại tòa án cấp sơ thẩm và trình bày: xác nhận cha mẹ cho đất ông Nguyễn Hồng D từ năm 1975. Tuy nhiên ông D không sử dụng đất từ năm 1982. Do ông D không ở mà về Cà Mau sinh sống nên cha mẹ ông cho ông toàn bộ phần đất này và ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, bác toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Hồng D. Thống nhất giá một công tằm cây khoảng 60.000.000 đồng. Giá trị phần diện tích đang tranh chấp là 100.000.000 đồng như đã nêu tại cấp sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: giữ nguyên những lời trình bày tại cấp sơ thẩm:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông Nguyễn Hồng D. Ông D được cha mẹ cho đất từ năm 1975, ông D cất nhà ở đến năm 1987 thì vợ chồng ông đi Cà Mau sinh sống, để đất lại, không giao cho ai quản lý nhưng hằng năm vẫn về thăm nom đất đai. Hiện nay, ông vẫn đang sinh sống ở Cà Mau. Việc cha mẹ cho đất được anh em trong nhà đều biết. Việc ông G cho rằng được cha mẹ tặng cho toàn bộ diện tích đất của cha mẹ trong đó có diện tích đất tranh chấp và ông đã đăng ký đứng tên quyền sử dụng đất toàn bộ phần đất được tặng cho là không có cơ sở. Việc cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông G trong khi đất do ông D quản lý, sử dụng là cấp không đúng đối tượng. Mặt khác, việc mẹ ông G viết giấy ủy quyền cho đất có nội dung chuyển quyền sử dụng đất cho ông G đứng tên để vay vốn tại Ngân hàng được thuận lợi, chứ không ủy quyền cho toàn bộ đất như ông G trình bày. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Thống nhất giá một công tằm cây khoảng 60.000.000 đồng. Giá trị phần diện tích đang tranh chấp là 100.000.000 đồng như đã nêu tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về hình thức: đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tiến G làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Về nội dung: Nguồn gốc đất là của cha mẹ nguyên đơn và bị đơn. Việc cha mẹ nguyên đơn và bị đơn cho nguyên đơn là có thật. Tuy nhiên bị đơn sử dụng ổn định lâu dài, đã được cấp Giấy chứng nhận. Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, công nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn nhưng buộc bị đơn phải hoàn trả một phần giá trị quyền sử dụng đất cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B; UBND huyện P có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Khưu Ngọc T3, bà Nguyễn Thị Phương T4, ông Nguyễn Phát Đ1, bà Cù Thị Tím E được triệu tập hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt. Vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hình thức: đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tiến G làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tiến G, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại cấp phúc thẩm, bị đơn cung cấp lời khai của nhiều người làm chứng, lời khai những người này đều có nội dung xác nhận cha mẹ ông D, ông G đã cho ông D phần diện tích đất đang tranh chấp nhưng thực tế ông D bỏ đi khỏi địa phương từ những năm 1981, 1982; ông G là người trực tiếp canh tác, trồng cây trên đất. quá trình tố tụng cả ông Nguyễn Hồng D và ông Nguyễn Tiến G đều xác nhận nội dung này.

Như vậy, đủ cơ sở xác định nguồn gốc phần diện tích đất là của cha mẹ ông Nguyễn Hồng D và ông Nguyễn Tiến G, đã cho ông D bằng miệng từ những năm 1975 nhưng nguyên đơn đã không sử dụng đất từ trước năm 1990. Bị đơn đã sử dụng ổn định lâu dài từ những năm 1990 đến nay, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện đang có cây trồng trên đất.

Theo quy định của Luật đất đai qua các thời kỳ thì đất trồng cây hàng năm không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục; đất trồng cây lâu năm không được sử dụng liên tục trong thời hạn 18 tháng liên tục thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất. Như vậy nếu bị đơn không canh tác, sử dụng đất thì phần diện tích đất đang tranh chấp đã thuộc trường hợp bị nhà nước thu hồi. Vì vậy cần ghi nhận công lao giữ gìn tài sản của bị đơn bằng 50% giá trị quyền sử dụng đất. Xét thấy nguyên đơn hiện đang cư trú tại Cà Mau, bị đơn đang sử dụng đất, có tài sản trên đất (chưa được xem xét giải quyết trong vụ án này) và đã được cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất. Cần công nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn và buộc bị đơn hoàn trả 50% giá trị quyền sử dụng đất cho nguyên đơn theo giá thỏa thuận.

Vì các lẽ trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 50.000.000 đồng tương đương 50% giá trị phần đất vườn diện tích 2.105,9m² thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 37, đất tại ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Không chấp nhận yêu cầu đòi đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3]. Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tiến G, sửa bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Tiến G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Hồng D và ông Nguyễn Tiến G đều là người cao tuổi, được miễn án phí.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về việc thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tiến G, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DSST ngày 14 – 6 - 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

** Tuyên xử:*

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng D yêu cầu ông Nguyễn Tiến G trả lại diện tích đất 85,1m² và phần đất nhà mồ diện tích 84m² thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 37 (do ông D rút yêu cầu)

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng D buộc ông Nguyễn Tiến G phải trả cho ông Nguyễn Hồng D 50.000.000 đồng, tương đương 50% giá trị phần đất vườn diện tích 2.105,9m² thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 37, đất tại ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hồng D về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 872010 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 21/6/2021 cho hộ ông Nguyễn Tiến G.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và lệ phí thu thập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số tiền 3.636.522 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng D được Tòa án chấp nhận nên ông D không phải chịu, ông D đã nộp đủ và đã chi phí hết nên buộc ông Nguyễn Tiến G hoàn trả cho ông Nguyễn Hồng D số tiền 3.636.522 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hồng D, Ông Nguyễn Tiến G được miễn.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Tiến G không phải chịu.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi

nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự (4);
- Lưu: Hồ sơ (1), VP (5), 16b (DTTP).

Phan Tô Ngọc